

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2022/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Ân

Bà Trương Ánh Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 413/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ngân hàng S.

Trụ sở: Số 266 - 268, đường T, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, sinh năm 1973 - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình P - Chuyên viên quản lý nợ Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng S - Chi nhánh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Chị Trương Thị Thảo Q, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 116A, đường X, khóm 4, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng S và tại phiên tòa ông Nguyễn Bình P là đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 08/7/2020, chị Trương Thị Thảo Q đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng đề nghị Ngân hàng S - Chi nhánh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ thu nhập của chị Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng tổng hạn mức sử dụng là 40.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất tại thời điểm cấp thẻ tín dụng là 2,15%/tháng. Sau khi được cấp

thẻ tín dụng, chị Q đã thực hiện các giao dịch thẻ tín dụng với tổng số tiền 40.522.700đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ khi kích hoạt thẻ đến nay, chị Q đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 19.734.000đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều Khoản và Điều Kiện của thẻ tín dụng. Do chị Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các điều của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/7/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng với chị Q và chuyển tòa bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều Khoản và Điều Kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 30/9/2022, chị Q còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 51.545.462đồng. Trong đó:

- Vốn gốc là 40.000.000đồng
- Lãi trong hạn là 7.696.975đồng.
- Lãi quá hạn là 3.848.487đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu chị Q thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi đến ngày 30/9/2022 là 51.545.462đồng và yêu cầu chị Q tiếp tục thanh toán lãi phát sinh với mức lãi suất theo hợp đồng đã ký đến khi chị Q thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

Đối với chị Trương Thị Thảo Q: Mặc dù chị Q đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử nhưng chị Q vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Trương Thị Thảo Q đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị Q vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Q là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, có quy định thời hạn và có lãi suất. Hợp đồng tín dụng đã ký kết vào ngày 08/7/2020 giữa các bên được thiết lập trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, chị Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận đã ký nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng giữa Ngân hàng với chị Q thì chị Q được cấp hạn mức tín dụng 40.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, chị Q thanh toán vốn và lãi hàng tháng đúng hạn một thời gian, sau đó thì ngưng thanh toán cho đến nay. Chị Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán liên tiếp nhiều kỳ theo quy định tại Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên ngày 23/7/2022 Ngân hàng đã chuyển số tiền nợ sang dư nợ gốc và

tính lãi quá hạn đối với từng thẻ tín dụng là đúng theo quy định tại mục 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện nêu trên. Căn cứ vào số dư nợ gốc, lãi suất thỏa thuận có căn cứ xác định đến ngày 30/9/2022, chị Q còn nợ Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi là 51.545.462 đồng nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Trương Thị Thảo Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S tính đến ngày 30/9/2022 với tổng số tiền là 51.545.462 đồng (*Năm mươi một triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/9/2022, chị Trương Thị Thảo Q còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được ghi nhận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 08/7/2020 cho đến khi thi hành xong khoản nợ Ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Trương Thị Thảo Q phải chịu 2.577.000 đồng (chưa nộp). Ngân hàng S không phải chịu án phí. Ngày 02/8/2022, Ngân hàng S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.163.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (theo biên lai số 0001835) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Nhiêu